

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 191/HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 1991

NGHỊ ĐỊNH

Ban hành quy chế thanh tra viên và việc sử dụng cộng tác viên thanh tra

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Pháp lệnh thanh tra ngày 1 tháng 4 năm 1990;

Xét đề nghị của Tổng thanh tra Nhà nước;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy chế thanh tra viên.

Điều 2.- Các tổ chức thanh tra Nhà nước được sử dụng cộng tác viên trong hoạt động thanh tra.

Cộng tác viên thanh tra là người có hiểu biết sâu về chuyên môn, nghiệp vụ khoa học, kỹ thuật chuyên ngành, có hiểu biết tình hình thực tế của hoạt động quản lý Nhà nước, kinh tế, xã hội, được các tổ chức thanh tra Nhà nước trưng dụng.

Giao Tổng Thanh tra Nhà nước ban hành chế độ sử dụng cộng tác viên thanh tra sau khi thống nhất với Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - cán bộ của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 3.- Tổng Thanh tra Nhà nước hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế thanh tra viên và chế độ sử dụng cộng tác viên thanh tra.

Điều 4.- Tổng Thanh tra Nhà nước, Bộ trưởng các bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 5.- Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ./.

QUY CHẾ

THANH TRA VIÊN

(Ban hành kèm theo Nghị định số 191-HĐBT ngày 18-6-1991

của Hội đồng Bộ trưởng).

CHƯƠNG I

THANH TRA VIÊN

Điều 1.- Ở các tổ chức thanh tra nhà nước có Thanh tra viên. Thanh tra viên là người có đủ tiêu chuẩn nêu tại điều 3 của Quy chế này, được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên và được giao trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ thanh tra theo quy định của pháp luật.

Điều 2.- Thanh tra viên khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Pháp lệnh thanh tra ngày 1 tháng 4 năm 1990 và các văn bản pháp luật khác.

Trong hoạt động thanh tra, Thanh tra viên:

1. Chỉ tuân theo pháp luật và phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về kết luận, kiến nghị, quyết định thanh tra của mình.
2. Thực hiện nhiệm vụ theo quyết định thanh tra của Thủ trưởng cơ quan Nhà nước hoặc của Thủ trưởng các tổ chức thanh tra có thẩm quyền và sự phân công công tác của Thủ trưởng tổ chức thanh tra.

Điều 3.- Tiêu chuẩn của Thanh tra viên:

1. Có phẩm chất chính trị tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh, khách quan.
2. Đã tốt nghiệp một trong các ngành kinh tế, kỹ thuật, xã hội, quản lý nhà nước và được bồi dưỡng kiến thức pháp lý; hoặc tốt nghiệp đại học pháp lý và được bồi dưỡng về quản lý kinh tế, xã hội, quản lý Nhà nước.
3. Có nghiệp vụ công tác thanh tra, nắm vững và vận dụng đúng đắn đường lối chính sách pháp luật vào công tác thanh tra, có trình độ nghiên cứu, phát hiện, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng công tác thanh tra.
4. Đã có ít nhất 2 năm làm nghiệp vụ thanh tra (không kể thời gian tập sự), nếu đang công tác ở các cơ quan Đảng, Nhà nước, đơn vị vũ trang chuyển sang công tác ở các tổ chức thanh tra Nhà nước thì có ít nhất 1 năm làm nghiệp vụ thanh tra.

Khi bổ nhiệm, phải xem xét từng trường hợp cụ thể, cân nhắc kỹ các tiêu chuẩn và căn cứ chủ yếu vào năng lực đảm nhiệm công việc và có kế hoạch tiếp tục bồi dưỡng kiến thức nâng cao trình độ.

Điều 4.- Ngạch Thanh tra viên:

1. Thanh tra viên có 3 cấp, xếp theo thứ tự từ thấp đến cao:

Thanh tra viên cấp I.

Thanh tra viên cấp II.

Thanh tra viên cấp III.

2. Căn cứ tiêu chuẩn Thanh tra viên quy định tại điều 3 nêu trên, sau khi thống nhất với Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ, Tổng Thanh tra Nhà nước quy định cụ thể tiêu chuẩn nghiệp vụ và phạm vi áp dụng đối với từng cấp Thanh tra viên, thời hạn chuyển cấp Thanh tra viên, quản lý thống nhất việc thực hiện ngạch Thanh tra viên trong hệ thống tổ chức thanh tra Nhà nước.

CHƯƠNG II

THẨM QUYỀN BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM THANH TRA VIÊN

Điều 5.- Thẩm quyền bổ nhiệm Thanh tra viên các cấp trong hệ thống tổ chức Thanh tra Nhà nước được quy định như sau:

1. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng (gọi tắt là Bộ trưởng) bổ nhiệm theo đề nghị của Chánh thanh tra Bộ đối với Thanh tra viên cấp I công tác trong các cơ quan Thanh tra Nhà nước do Bộ quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương (gọi tắt là Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh) bổ nhiệm theo đề nghị của Chánh thanh tra tỉnh đối với Thanh tra viên cấp I công tác trong các cơ quan Thanh tra Nhà nước do tỉnh quản lý.

3. Tổng thanh tra Nhà nước bổ nhiệm theo đề nghị của các Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, Thanh tra viên cấp II công tác trong các cơ quan Thanh tra Bộ, Thanh tra tỉnh; bổ nhiệm Thanh tra viên cấp I, Thanh tra viên cấp II công tác trong cơ quan Thanh tra Nhà nước.

4. Thanh tra viên cấp III ở các cơ quan Thanh tra Bộ, Thanh tra tỉnh, Thanh tra Nhà nước do Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh đề nghị Tổng Thanh tra Nhà nước trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng bổ nhiệm.